

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

ĐẠI
HỘI
QUẢN
TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Đông	Thành viên
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiến	Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 6 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

1/10
20/06
KIẾ
1/10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 06 tháng 08 năm 2010

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỂN

Số: 11.133 /BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI
LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2010.



TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.664.270.176	73.806.018.002
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.224.728.392	23.358.259.286
1. Tiền	111	5.1	4.224.728.392	23.358.259.286
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.440.000.000	5.117.750.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	7.670.000.000	5.117.750.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(230.000.000)	-
III. Các khoản phải thu	130	5.3	43.311.232.505	41.162.063.791
1. Phải thu khách hàng	131		29.123.820.622	27.780.036.411
2. Trả trước cho người bán	132		3.459.006.883	840.803.380
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		10.728.405.000	12.541.224.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	10.804.443.948	2.525.444.948
1. Hàng tồn kho	141		10.804.443.948	2.525.444.948
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.883.865.331	1.642.499.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.883.865.331	1.642.499.977

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.052.127.998	53.950.696.152
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.126.103.096	36.487.551.250
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	32.926.103.096	34.287.551.250
+ Nguyên giá	222		58.352.744.367	54.744.238.561
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.426.641.271)	(20.456.687.311)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		2.200.000.000	2.200.000.000
+ Nguyên giá	228		2.200.000.000	2.200.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.926.024.902	17.463.144.902
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	13.926.024.902	17.463.144.902
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118.716.398.174	127.756.714.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.569.023.097	69.573.867.807
I. Nợ ngắn hạn	310		49.381.936.290	59.728.990.700
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.8	14.012.168.890	13.857.061.765
3. Người mua trả tiền trước	313	5.8	22.055.461.083	32.808.919.886
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	8.569.361.169	6.093.313.656
5. Phải trả người lao động	315	5.10	1.315.000.000	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	3.112.865.025	6.812.633.157
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	317.080.123	157.062.236
II. Nợ dài hạn	330		9.187.086.807	9.844.877.107
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	8.381.320.500	9.026.320.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184.489.000	189.333.500
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.11	621.277.307	629.223.107
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.147.375.077	58.182.846.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	60.147.375.077	58.182.846.347
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.447.352.500	12.447.352.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.500.000.000	6.903.240.104
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.000.000.000	1.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.200.022.577	17.832.253.743
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118.716.398.174	127.756.714.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		-	-
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUÂN

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 07 năm 2010



GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	69.717.940.606	40.455.473.171
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	38.674.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	69.717.940.606	40.416.798.626
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	57.059.499.834	30.630.619.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.658.440.772	9.786.179.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.079.477.694	1.447.578.408
7. Chi phí tài chính	22	6.4	691.370.785	45.792.074
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		461.370.785	45.792.074
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.029.042.312	2.316.558.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.017.505.369	8.871.407.027
11. Thu nhập khác	31		-	1.530.836.965
12. Chi phí khác	32		-	45.600.881
13. Lợi nhuận khác	40		-	1.485.236.084
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.017.505.369	10.356.643.111
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	2.817.482.792	1.794.227.069
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.200.022.577	8.562.416.042
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		4.600	4.281

KÊ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 07 năm 2010

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	min h	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.017.505.369	10.356.643.111
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.969.953.960	3.192.351.918
Các khoản dự phòng	03		222.054.200	(7.214.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.215.607.085)	-
Chi phí lãi vay	06		461.370.785	45.792.074
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.455.277.229	13.587.573.103
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.398.990.068)	(7.980.563.553)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.278.999.000)	225.242.931
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(13.185.573.804)	12.061.536.746
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(461.370.785)	(45.792.074)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(262.500.000)	(431.977.949)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(56.442.460)	(59.123.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(10.188.598.888)	17.356.895.704
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.500.409.091)	(122.948.048)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị	23		(50.958.730.000)	(21.661.703.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.943.600.000	14.373.100.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.215.607.085	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.299.932.006)	(7.411.551.048)

30/7
- TỶ
- XỬ
- OÁ
- I
- C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	min h	Kỳ này	Kỳ trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	(1.555.346.000)
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	480.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.320.000.000	(9.967.975.000)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.965.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(639.600.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.645.000.000)	(11.682.921.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(19.133.530.894)	(1.737.576.344)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.358.259.286	2.244.189.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		4.224.728.392	506.613.581

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 07 năm 2010

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phụ vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 07 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

1102
CỔ
ĐÓNG
KIỂM
D

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Theo nghị quyết hội đồng cổ đông thường niên.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(Phần tiếp theo ở trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	73.278.851	1.138.863.842
Tiền gửi ngân hàng	4.151.449.541	22.219.395.444
Tổng cộng	4.224.728.392	23.358.259.286

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	3.670.000.000	5.117.750.000
Tiền gửi có kỳ hạn	4.000.000.000	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	7.670.000.000	5.117.750.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(230.000.000)	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	7.440.000.000	5.117.750.000

Các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	100.000	3.670.000.000	67.500	5.117.750.000
Cộng	100.000	3.670.000.000	67.500	5.117.750.000

Lý do thay đổi với khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu SSI:

Bán: + Số lượng: 67.500 Cp
 + Giá trị: 6.418.750.000 đồng
 Mua: + Số lượng: 100.000 CP
 + Giá trị: 3.670.000.000 đồng

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	29.123.820.622	27.780.036.411
Trả trước cho người bán	3.459.006.883	840.803.380
Các khoản phải thu khác	10.728.405.000	12.541.224.000
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	43.311.232.505	41.162.063.791
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	43.311.232.505	41.162.063.791

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho cá nhân vay	668.405.000	2.481.224.000
Cho tổ chức vay	10.060.000.000	10.060.000.000
Cộng	10.728.405.000	12.541.224.000

5.4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	44.443.948	44.444.948
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.760.000.000	2.481.000.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.804.443.948	2.525.444.948
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	10.804.443.948	2.525.444.948

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hồ chứa nước Phát chi Dalat	-	886.000.000
Khoan thoát nước Đập chính –Thủy điện ĐN3	-	690.000.000
Hồ chứa nước Sông Dinh 3 Bình Thuận	2.900.000.000	-
Kênh Phan Rí – Phan Thiết – Bình Thuận	690.000.000	420.000.000
Kênh và công trình trên Kênh – Phước Hòa	4.000.000.000	285.000.000
Hồ chứa nước Thôn 5 Đạtêh	1.000.000.000	200.000.000
Kênh Xuyên mộc (Gói 57) Bà Rịa Vũng tàu	1.600.000.000	-
Hồ Suối cát Bà Rịa Vũng Tàu	100.000.000	-
CT Hồ chứa nước Phan Dũng Bình Thuận	70.000.000	-
CT Đập Krông Búc Hạ Gia lai	350.000.000	-
Công trình Hồ Xuân Hương Dalat	50.000.000	-
Tổng cộng	10.760.000.000	2.481.000.000

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng của nhân viên.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.569.266.331	48.858.792.744	4.050.527.468	265.652.018	54.744.238.561
Mua trong kỳ	-	3.455.136.364	-	153.369.442	3.608.505.806
Số dư cuối kỳ	1.569.266.331	52.313.929.108	4.050.527.468	419.021.460	58.352.744.367
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	599.863.227	17.998.789.431	1.732.063.461	125.971.192	20.456.687.311
Khấu hao trong kỳ	38.899.224	4.617.011.227	261.621.744	52.421.765	4.969.953.960
Số dư cuối kỳ	638.762.451	22.615.800.658	1.993.685.205	178.392.957	25.426.641.271
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	969.403.104	30.860.003.313	2.318.464.007	139.680.826	34.287.551.250
Tại ngày cuối kỳ	930.503.880	29.698.128.450	2.056.842.263	240.628.503	32.926.103.096

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.252.429.616 đồng.

5.7. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dầu tư dài hạn khác	13.926.024.902	17.463.144.902
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	13.926.024.902	17.463.144.902
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	13.926.024.902	17.463.144.902

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Trái phiếu chính phủ	-	50.000.000	-	50.000.000
Trái phiếu chuyển đổi HEC II	30.000	3.000.000.000	30.000	3.000.000.000
Cổ phiếu LBM	570.006	7.695.081.000	850.006	11.475.081.000
Cổ phiếu VDL	120.475	3.180.943.902	113.575	2.938.063.902
Cộng		13.926.024.902		17.463.144.902

Lý do thay đổi với các khoản đầu tư vào cổ phiếu: bán cổ phiếu LBM

- Về số lượng: 180.000 CP
- Về giá trị 3.298.000.000 đ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	14.012.168.890	13.857.061.765
Người mua trả tiền trước	22.055.461.083	32.808.919.886
Tổng cộng	36.067.629.973	46.665.981.651

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.864.269.150	1.938.120.417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.643.594.919	4.088.612.127
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.455.812
Thuế tài nguyên	25.835.100	18.722.550
Các khoản phí, lệ phí	35.662.000	29.402.750
Tổng cộng	8.569.361.169	6.093.313.656

5.10. Phải trả người lao động

Là khoản lương theo quý chưa chia cho người lao động.

5.11. Dự phòng phải trả

	Kỳ này
Dự phòng phải trả đầu năm	629.223.107
Sử dụng dự phòng trong năm	(7.945.800)
Dự phòng phải trả cuối năm	621.277.307

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	453.567.665	310.093.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.659.297.360	6.502.540.000
Tổng cộng	3.112.865.025	6.812.633.157

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác:

	Cuối năm	Đầu năm
Thu tiền đặt cọc bán tài sản	320.000.000	320.000.000
Vay mượn cá nhân tạm thời	646.790.000	5.516.790.000
Tiền ký quỹ thế chấp lái xe	125.000.000	105.000.000
Phải trả vốn Nhà nước	50.750.000	50.750.000
Thu tiền bảo lãnh gói thầu Hồ chứa nước thôn 5 Đạteh	450.000.000	450.000.000
Thu tiền thuê cốt pha công trình	60.000.000	60.000.000
Tiền còn phải hoàn ứng cho đội thi công	1.006.757.360	-
Tổng cộng	2.659.297.360	6.502.540.000

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này
Số dư đầu năm	157.062.236
Trích lập trong năm	235.493.847
Sử dụng trong năm	(75.475.960)
Số dư cuối năm	317.080.123

5.14. Vay và nợ dài hạn

Vay và nợ dài hạn là khoản vay ngân hàng theo hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2009 với số tiền vay là 12 tỷ, thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm, lãi suất kỳ đầu tiên 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: đầu tư cho dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công phục vụ thi công các công trình xây dựng. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản thế chấp là 12.766.861.141 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	12.447.352.500	1.000.000.000	6.903.240.104	639.600.000	40.990.192.604
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	20.108.002.743	20.108.002.743
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.915.349.000)	(2.915.349.000)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	12.447.352.500	1.000.000.000	6.903.240.104	17.832.253.743	58.182.846.347
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.200.022.577	9.200.022.577
Trích lập quỹ	-	-	1.000.000.000	9.596.759.896	(10.832.253.743)	(235.493.847)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	12.447.352.500	2.000.000.000	16.500.000.000	9.200.022.577	60.147.375.077

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cá nhân	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

5.15.3. Cổ tức

	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông sau ngày kết thúc năm tài chính	7.000.000.000	2.915.349.000

5.15.4. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.000.000	2.000.000

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của Công ty	9.200.022.577	8.562.416.042
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	4.600	4.281

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	69.696.503.797	40.420.207.417
Doanh thu cho thuê nhà nghỉ	21.436.809	35.265.754
Điều chỉnh giảm doanh thu	-	(38.674.545)
Doanh thu thuần	69.717.940.606	40.416.798.626

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	57.059.499.834	30.630.619.046
Tổng cộng	57.059.499.834	30.630.619.046

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	468.032.885	530.518.408
Cổ tức, lợi nhuận được chia	747.574.200	99.667.000
Lãi bán cổ phiếu	2.834.434.416	817.393.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.436.193	-
Tổng cộng	4.079.477.694	1.447.578.408

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	461.370.785	45.792.074
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	230.000.000	-
Tổng cộng	691.370.785	45.792.074

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	12.017.505.369
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(747.574.200)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	11.269.931.169
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	2.817.482.792

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	51.750.000	52.455.000
Lương Giám đốc	232.950.000	220.505.000
Tổng cộng	284.700.000	272.960.000

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 07 năm 2010.

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 07 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUẤN

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIÊN